ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NGẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 147/BC-UBND	*Quảng Ngạn, ngày 05 tháng 12 năm 2023*

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2023 phương hướng nhiệm vụ năm 2024

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã và chương trình công tác năm 2023; Kế hoạch số 203 /KH- UBND, ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh huyện Quảng Điền năm 2023, Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/12/2022 về Cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số năm 2023 của UBND xã Quảng Ngạn và Công văn số 334/UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Quảng Điền về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2023. UBND xã Quảng Ngạn báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1.Về Công tác CCHC: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2022 về Cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của xã Quảng Ngạn; Kế hoạch số115/KH-UBND ngày 30/12/2022 về Cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số năm 2023 của UBND xã Quảng Ngạn, đầu tuần đều tổ chức giao ban giữa Chủ tịch và các các bộ công chức cơ quan về công tác CCHC. Ngoài ra Uỷ ban nhân dân xã đã bàn hành các kế hoạch:

+ Kế hoạch 01/KH-UBND, ngày 03/01/2023 Về tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính công tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của Uỷ ban nhân dân xã Quảng Ngạn năm 2023

+ Kế hoạch số 02/KH-UBND, ngày 04/01/2023 về đánh giá nội bộ năm 2023

+ Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày04/01/2023 về kiểm tra, kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện nhiệm vụ của công chức tại xã Quảng Ngạn năm 2023.

+ Kế hoạch số 12/KH-UBND, ngày 10/01/2023 Về việc chuyển đổi số năm 2023

+ Kế hoạch số 16/QĐ-UBND, ngày 13/01/2023 Về việc thành lập đoàn kiểm tra công vụ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hoá công sở của cán bộ công chức năm 2023

+ Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/01/2023 về kiểm soát thủ tục hành

chính năm 2023;

+ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 11/01/2023 về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023;

+ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 11/01/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2023;

+ Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 12/01/2023 về triển khai thực hiện đề án văn hóa công vụ năm 2023;

+ Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 18/01/2023 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2023;

+ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 16/01/2023 về rà soát văn, hệ thống hoá bản quy phạm pháp luật năm 2023;

+ Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 10/01/2023 về chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2023;

+ Kế hoạch 36/KH-UBND, ngày 28/01/2023 Về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023

+ Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 13/01/2023 về triển khai xây dựng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015;

+ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 về mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm 20223;

+ Quyết định số 15/QĐ-UBND, ngày 13/01/2023 về phê duyệt kế hoạch đánh giá nội bộ hệ thống hoá quản lý chất lượng theo tiêu châunr ISO 9001:2015 tại UBND xã năm 2023

+ Quyết định 08/QĐ-UBND, ngày 06/01/2023 về Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công thuộc cơ quan xã Quảng Ngạn năm 2023

2. Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC: Căn cứ vào kết quả cụ thể đã thực hiện đến cuối năm 2023 UBND xã đã thực hiện hoàn thành đảm bảo đúng theo quy định 27 nhiệm vụ. Vậy tỉ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch đặt ra là 100% trong tổng số nhiệm vụ cả năm

3. Công tác kiểm tra CCHC: UBND xã đã ban hành nhiều Kế hoạch để triển khai thực hiện cụ thể: Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 04/01/2023 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính về việc thực hiện nhiệm vụ của công chức tại xã Quảng Ngạn năm 2023; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 11/01/2023 về kiểm tra công vụ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn háo công sở năm 2023. Với mục đích nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước. Trong quý UBND xã đã thông báo tổ chức kiểm tra 03 cán bộ công chức.

4.Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC:

UBND xã đã ban hành và triển khai Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 11/01/2023 về Tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã năm

2023. Chỉ đạo cán bộ, công chức thường xuyên cập nhật kịp thời, đồng thời triển khai niêm yết tại bảng niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và bảng thông báo tại Bộ phận TN&TKQ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Ngoài ra, thông qua Đài truyền thanh của xã, trang thông tin điện tử xã để tuyên truyền về Kế hoạch CCHC năm 2023, các văn bản chỉ đạo điều hành liên quan công tác cải cách hành chính của cấp trên và xã. Thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của xã; hệ thống đài truyền thanh xã nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân khi đến giao dịch TTHC.

Từ ngày 05/12/2022-05/12/2023, đã tuyên truyền trên trang thông tin điện tử 211 tin, bài về công tác CCHC

5 Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, UBND huyện giao: Từ ngày 05 tháng 12 năm 2022 đến 05 tháng 12 năm 2023 có 85 YKCĐ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện,Chủ tịch UBND huyện giao: Trong đó 62 ý kiến hoàn thành trong hạn, 23 ý kiến hoàn thành quá hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được UBND xã quan thâm thực hiện. UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 18KH-UBND ngày 11/01/2023 về việc xây dựng văn bản QPPL năm 2023. Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND xã được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật ban hành VBQPPL ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành VBQPPL ngày 18/06/2020 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: Nhằm xem xét, đánh giá thực trạng tình hình thi hành pháp luật, từ đó có cơ sở thực tiễn để kịp thời xem xét, giải quyết hoặc đề nghị giải quyết các vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành pháp luật trên địa bàn xã, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 18/01/2023 về việc theo dõi thi hành pháp luật năm 2023

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 11/01/2023 về thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn xã năm 2023. Chỉ đạo công chức Tư pháp-Hộ tịch tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức các nội dung theo kế hoạch đã được UBND xã phê duyệt.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: UBND xã đã chỉ đạo cán bộ Tu pháp thực hiện rà soát các

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Uỷ ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch số115/KH-UBND ngày 30/12/2022 về Cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số năm 2023 với 27 nhiệm vụ trọng tâm; Ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày16/01/2023 Về việc Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Quảng Ngạn năm 2023. Trong năm 2023 đã tổ chức rà soát 8 thủ tục hành chính kết quả chưa có TTHC có phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: Trong quý đã giải quyết 363.

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng cộng	**1184**			**1175**	**1165**	**10**	**9**	**9**	**0**	
1	TTHC liên thông lĩnh vực Người có công (Cấp huyện)	3	0	0	3	3	0	0	0	0	
2	Bảo trợ xã hội (Cấp huyện)	51	0	0	51	51	0	0	0	0	
3	Hộ tịch	812	0	0	803	802	1	9	9	0	
4	Chứng thực	300	0	0	300	292	8	0	0	0	
5	Đất đai	1	0	0	0	0	1	0	0	0	

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp: Tại bộ phận một cửa trang bị 06 máy vi tính, 06 máy in, 01 máy Phô tô, 02 máy scan, 01 KISOK, một máy bấm số, 02 màn hình tivi. UBND xã thường xuyên rà soát, trang cấp, thay thế trang thiết bị máy móc tại bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại của xã. Hiện nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc cơ bản đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu của công việc.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại đơn vị, địa phương:

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: UBND xã đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã và trên Trang thông tin điện tử của xã để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong Quý I năm 2023, UBND xã không nhận được kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Nhằm triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, trong năm 2023, UBND xã đã chỉ đạo toàn thể cán bộ, công chức thực hiện đúng nội quy, quy chế của cơ quan, tiếp tục kiện toàn bộ máy đảm bảo hợp lý, khoa học, tinh gọn hoạt động có hiệu quả. Trong năm đã kiện toàn Chức danh chủ tịch và Phó chủ tic hjUBND xã do chuyển công tác, tiếp nhận một công chức Phụ trách kế toán chu, chuyển 02 công chức: Công chức kế toán và công chức địa chính – xây dựng- Nông nghiệp và môi trường theo Quyết định của UBND huyện.

- Trong năm 2023, tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/04/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị đinh 33/2023/NĐ-CP Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động Không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; đảm bảo sử dụng biên chế tại UBND xã không vượt quá so với tổng số biên chế được giao. Bố trí sắp xếp công chức đúng vị trí chức danh công chức theo đúng Nghị định 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức: Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa công sở, đạo đức công vụ; Công văn số 1625/UBND ngày 08/7/2022 về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương và văn hóa công sở, UBND xã thường xuyên chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt nhất cho người dân.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Uỷ ban nhân xã đã bàn hành Kế hoạch số 36/KH-UBND, ngày 06/02/2023 Về việc Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023. Quan tâm cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của cấp trên để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giải quyết công việc.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương.

Thực hiện cơ chế tự chủ theo nghị định 130/2005/NĐ-CP, UBND xã đã ban hành quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công thuộc cơ quan xã Quảng Ngạn năm 2023; Đầu năm xây dựng dự toán ngân sách trình HĐND xã thông qua, bao gồm kinh phí hoạt động và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính, khối Đảng, Mặt Trận, các đoàn thể chính trị... đã giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức, hoạt động bộ máy, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đảm bảo chi tiêu hợp lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

Công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan đã được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Đã ban hành quyết định 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công thuộc cơ quan xã Quảng Ngạn năm 2023. Theo đó, việc mua sắm được thực hiện theo kế hoạch, tiêu chuẩn định mức và trong dự toán được giao. Tài sản công tại cơ quan được thực hiện hạch toán, cập nhập vào sổ và phần mềm quả lý tài sản công, được theo dõi đầy đủ về hiện vật, giá trị và thực hiện chế độ quản lý, tình hao mòn, khấu hao tài sản cố định theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2022 về Cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của xã Quảng Ngạn; Kế hoạch số115/KH-UBND ngày 30/12/2022 về Cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số năm 2023 của UBND xã Quảng Ngạn.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: Trang thiết bị làm việc của cán bộ, công chức cũng như tại bộ phận một cửa hiện đại được quan tâm đầu tư, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu làm việc, phục vụ nhân dân.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng.

Trên địa bàn được xây dựng hệ thống mạng nội bộ (LAN), hệ thống mạng diện rộng của tỉnh được triển khai kết nối hệ thống mạng LAN các cơ quan nhà

nước tạo ra một hệ thống kết nối thống nhất để trao đổi dữ liệuđảm bảo triển khai ứng dụng chung trên môi trường mạng.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

Triển khai ứng dụng đồng bộ và kết nối, liên thông giữa hệ thống quản lý văn bản, điều hành của xã với Trục liên thông văn bản của huyện, của tỉnh; thực hiện việc gửi nhận văn bản điện tử và chữ ký số để số hóa các dữ liệu.

Trang TTĐT xã Quảng Ngạn tiếp tục được quan tâm, thực hiện được chức năng, nhiệm vụ là kênh thông tin chính thống của xã. Kịp thời cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của UBND xã, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chất lượng thông tin ngày một nâng lên, thành viên Ban biên tập đã đầu tư thời gian cho công tác

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp. Ứng dụng hệ thống Một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến gắn với xây dựng Bộ phận một cửa hiện đại xã, phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.Uỷ ban nhân dân xã chỉ đạo cán bộ, công chức tham gia giải quyết TTHC tại Bộ phận TN&TKQ thực hiện đúng, đầy đủ các bước, quy trình giải quyết trên phần mềm. Hiện tại, cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của UBND xã đã có đầy đủ tài khoản xử lý, giải quyết TTHC và tài khoản số hóa hồ sơ trên phần mềm.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến được UBND xã quan tâm tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục đến người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã, tuy nhiên do điều kiện công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế nên hồ sơ trực tuyến một phần và toàn trình. Trong năm 2023 có 799 hồ sơ trực tuyến.

- Kết quả triển khai, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại cơ quan.

Để triển khai duy trì, áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã, UBND xã ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 13/01/2023 về triển khai xây dựng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015. Theo đó, các bộ phận chuyên môn đã tiến hành xây dựng, và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 dựa theo các quyết định công bố thủ tục hành chính của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác cải cách hành chính đã được Đảng ủy, HĐND, UBND xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, thể chế hành chính ngày càng đổi mới, đúng

pháp luật phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đã được đầu tư cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác cải cách hành chính.

- Bộ máy hành chính nhà nước được tổ chức ngày một được kiện toàn hơn; đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như phẩm chất chính trị và đạo đức ngày càng được nâng cao.

- Các thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy định, chất lượng được nâng cao, việc công khai, minh bạch, giải quyết nhanh chóng đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân trong quá trình giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính và tạo được sự đồng thuận, đánh giá cao trong nhân dân.

- Việc rà soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, liên tục, bảo đảm thực hiện đúng theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính. Chất lượng cải cách thủ tục hành chính ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại được đầu tư cơ sở vật chất khá đầy đủ, hoạt động ngày càng chất lượng, hiệu quả, góp phần tích cực trong việc giải quyết kịp thời các TTHC của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trên cổng dịch vụ công của tỉnh được đẩy mạnh, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy vậy công tác cải cách hành chính tại UBND xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Quá trình giải quyết thủ tục hành chihs vẫn còn tình trạng trễ hẹn xảy ra, nhất là trên lĩnh vực đất đai, việc thực hiện Ý kiến chỉ đạo của UBND huyện và Chủ tich UBND huyện thực hiện

- Trang thiết bị trang cấp cho cán bộ, công chức và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có cấu hình yếu, lỗi quy trình, hư hỏng nhiều lần đã gây khó khăn cho việc giải quyết công việc, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho người dân cũng như triển khai, ứng dụng, vận hành các phần mềm.

- Việc thực hiện hồ sơ mức độ 3 và mức độ 4 vẫn còn thấp.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

1. Thực hiện tốt công tác kiểm soát, rà soát TTHC, kịp thời phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền bãi bỏ các loại giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết một số TTHC để cắt giảm các chi phí không cần thiết trong quá trình giải quyết TTHC của người dân, tổ chức, doanh nghiệp và thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến các quy định hành chính

1. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chỉ số cải cách hành chính và các chỉ số thành phần. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức

2. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND và UBND ban hành để khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các nhiệm vụ và theo yêu cầu của cấp trên.

3. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chỉ số cải cách hành chính và các chỉ số thành phần. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức

4. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính cũng như công khai hoá các thủ tục hành chính phải được thường xuyên, liên tục trên trang thông ttin điện tử, cũng như trên đài truyền thanh xã.

5. Thực hiện các giải pháp để thực hiện thu ngân sách địa phương đảm bảo theo kế hoạch HĐND tỉnh giao và giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đúng tiến độ. Tổ chức thực hiện công tác quyết toán ngân sách trên địa bàn theo quy định. Có giải pháp để kêu gọi thu hút đầu tư trên địa bàn huyện được hiệu quả5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của UBND tỉnh

6. Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hiện đại. Thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một của, một của liên thông; thực hiện ngiêm việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân. Triển khai thực hiện việc giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp ở mức độ một phần và toàn trình.

7. Tập trung tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Quy chế văn hóa công sở nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót.

Trên đây là Báo cáo cải cách hành chính năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của UBND xã Quảng Ngạn.

Nơi nhận:
- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- TV Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- MT & các Đoàn thể xã;
- Bộ phận TN&TKQ;
- Lưu VP.UBND xã.

Để báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hồ Phong Nhã

Phụ lục 2

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)*	**Văn bản**	**6**	
2.	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	**%**		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	27	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	27	
3.	**Kiểm tra CCHC**			
3.1	Số phòng đã kiểm tra	Cơ quan,	0	
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan,	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	*Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra*	*Vấn đề*	0	
3.3.2	*Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong*	*Vấn đề*	0	
4	**Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao**		**0**	
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	**Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao**			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	85	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	62	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	23	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**	**Có = 1;** **Không = 0**		
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	**1175**	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1	0	

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	**Đơn vị tính**	**Số liệu**	
1.	**Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành**	**Văn bản**	2	
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	2	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra*	*Văn bản*	0	
2.2.2.	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong*	*Văn bản*	0	
3.	**Rà soát VBQPPL**		2	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	2	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát*	*Văn bản*	0	
3.2.2.	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong*	*Văn bản*	0	

Phụ lục 4

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU
BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Thống kê TTHC**			
1.1.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	130	
1.1.1.	*Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	0	
1.1.2.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	129	
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	54	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0	
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*		
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	90,14	UBND cấp xã báo cáo
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	1175	
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	1165	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.3.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	*Hồ sơ*	0	
3.3.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	0	

Phụ lục 5

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	**Đơn vị tính**	**Số liệu**	
1.	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn cấp huyện đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.2.1	*Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện*	*Cơ quan, đơn vị*		
1.2.2	*Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015*	*%*		
2.	**Số liệu về biên chế công chức**			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	1	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	88	
3.	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập**			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	22	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	88	

Phụ lục 6
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	11	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	*0*	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	*0*	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	*0*	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	*0*	
3.	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)**	**Người**	**0**	
4.	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).**			
4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật.		0	
4.3.	Số công chức cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
4.5.	Số cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	

Phụ lục 7
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	Ghi

				chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**%**	**93**	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	2.800	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.600	
2.	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)**			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	**Đơn vị**		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	*Đơn vị*		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	*Đơn vị*		
2.4.1.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	*Đơn vị*		
2.4.2.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	*Đơn vị*		
2.4.3.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	*Đơn vị*		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Phụ lục 8
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất**	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	**0**	
2.	**Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến** *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	**Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**	*%*	*0*	
4.	**Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).**	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	*Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	%		
5.1.2.	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.*	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%		
5.2.1	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện*			
5.2.2	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	*%*	100	UBND cấp xã báo cáo
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	*Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*		
5.3.2.	*Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*	100	
6.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.1.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	5	
6.1.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	5	
6.1.3.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	0	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp*	*Thủ tục*	53	

	trực tuyến mức độ 4			
6.2.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	53	
6.2.3.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	453	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1.	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương*	*Thủ tục*	53	
6.3.2.	*Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia*	*Thủ tục*	89	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	29	
6.4.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)*	*Hồ sơ*	1184	
6.4.2.	*Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến*	*Hồ sơ*	1094	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.5.1.	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	*Thủ tục*		
6.5.2.	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.*	*Thủ tục*		